TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 37/2019/DS-PT.
Ngày 12/4/2019.
"*V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi.

Bà Phạm Thị Minh Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang***: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLPT-DS ngày 24/01/2019 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Lạng Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐ-PT ngày 21/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2019/QĐ-PT ngày 01/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N1, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Chi Ma, xã Yên Khoái, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 510A Bà Triệu, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 14/11/2018, gửi đến Tòa án ngày 19/11/2018).

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị Kim T1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đình Huân - Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Đình Huân – Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (giấy ủy quyền được chứng thực của UBND xã nghĩa Hòa ngày 10/9/2018) (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Vi Văn Hóa, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Chi Ma, xã Yên Khoái, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hóa: ÔNg Nguyễn Văn H1, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 510A Bà Triệu, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 14/11/2018, gửi đến Tòa án ngày 19/11/2018)

3.2. Anh Hoàng Văn Lợi, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

4. Người kháng cáo: Chị Đặng Thị Kim T1 - Là bị đơn; Chị Hoàng Thị N1 – Là nguyên đơn.

5. Kháng nghị: Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/4/2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hoàng Thị N1 trình bày: Do có quan hệ quen biết từ năm 2012, vợ chồng chị Tuyết, anh Lợi có xe ô tô nhỏ chở Lợn lên cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn để bán; chị cũng đang làm nghề thu mua Lợn ở cửa khẩu để bán sang Trung Quốc. Khoảng tháng 6 hoặc tháng 7/2013 chị và chị Tuyết thỏa thuận chị mua Lợn của chị Tuyết, khi mua bán hai bên đều sằng phẳng với nhau, chị Tuyết giao Lợn cho chị và chị lại gửi tiền cho chị Tuyết. Khi đã trở thành bạn hàng thân quen, chị Tuyết có thỏa thuận miệng với chị là chị ứng tiền cho chị Tuyết để chị Tuyết đi mua Lợn chở lên giao bán cho chị, vì chị em làm ăn tin tưởng nhau nên chị đồng ý. Sau đó, giữa chị và chị Tuyết chỉ điện thoại cho nhau là chị Tuyết chở Lợn lên cho chị và chị gửi tiền qua tài khoản ngân hàng cho chị Tuyết. Thời gian đầu, chị Tuyết giao lợn cho chị đầy đủ và chị cũng chuyển tiền cho chị Tuyết đầy đủ, các bên không ký sổ gì với nhau. Chị gửi tiền cho chị Tuyết rất nhiều lần và chị Tuyết cũng giao Lợn cho chi nhiều lần nên chị không nhớ được hết các lần chuyển tiền cho chị Tuyết và nhận Lợn của chị Tuyết; theo sổ ghi chép của chị (hiện sổ này chị đã làm mất) chỉ còn ghi tổng hợp từ ngày 19/11/2013 đến ngày 26/12/2013 chị đã 17 lần chuyển tiền cho chị Tuyết với số tiền là 22.650.000.000đ, còn những lần chuyển tiền và giao Lợn trước ngày 19/11/2013 không lưu giữ được; cũng trong thời gian từ ngày 19/11/2013 đến ngày 26/12/2013 chị Tuyết đã 24 lần chuyển 422.934kg Lợn cho chị thành tiền là 21.127.530.000đ. Sau ngày 26/12/2013 chị Tuyết không thu mua lợn để giao cho chị, nên chị và chị Tuyết đã điện thoại cho nhau thống nhất chấm dứt việc mua bán lợn, chị Tuyết cam kết sẽ trả tiền cho chị. Ngày 06/01/2014 chị Tuyết đã

chuyển trả chị 400.000.000đ. Ngày 25/01/2014 chị cùng chồng là anh Hóa xuống nhà chị Tuyết tại thôn Hạ, xã nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang thống nhất chốt sổ và chị Tuyết đã tự tay viết giấy còn nợ lại vợ chồng chị số tiền 1.123.000.000đ và hẹn đến ngày 25/02/2014 chị Tuyết sẽ trả chị 200.000.000đ và từ tháng thứ 2 (tức là kể từ ngày 25/02/2014) trở đi, mỗi tháng chị Tuyết trả chị 50.000.000đ, trả đến khi nào hết số tiền 1.123.000.000đ. Ngày 06/6/2014 chị Tuyết đã chuyển trả chị được 50.000.000đ và ngày 23/9/2014 chị Tuyết đã chuyển trả chị được 50.000.000đ. Từ đó đến nay mặc dù chị đòi nhiều lần nhưng chị Tuyết vẫn không trả chị đồng nào. Nay chị yêu cầu chị Tuyết phải trả cho chị 1.023.000.000đ tiền gốc và trả lãi suất của số tiền này từ ngày 01/10/2015 đến ngày chị viết đơn khởi kiện 30/4/2018 là 734.000.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 1.757.000.000đ.

** Bị đơn chị Đặng Thị Kim T1 và đại diện theo ủy quyền của chị Tuyết là ông Nguyễn Đình Huân trình bày*: Tháng 9/2018, chị Tuyết và Chị N1 có thỏa thuận miệng với nhau về việc mua bán lợn trên nguyên tắc khi nào Chị N1 chuyển tiền vào công ty, công ty báo cho chị có tiền thì lúc đó chị mới đi bắt lợn để chuyển cho Chị N1 tại cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Theo sổ theo dõi của chị đã ghi chép đầy đủ từng chuyến đã thể hiện rõ người lái xe, số cân cụ thể và biển kiểm soát xe người lái. Số tiền chị nhận của Chị N1 và thời gian, số cân Lợn chuyển cho Chị N1 cụ thể như sau:

Từ ngày 27/9/2013 đến ngày 01/01/2014 Chị N1 có 14 lần chuyển tiền cho chị Tuyết, số tiền là 13.500.000.000đ. Đồng thời, chị Tuyết đã giao cho Chị N1 264.967,5kg lợn với giá thỏa thuận thành tiền là 13.058.501.000đ. Những người vận chuyển cho Chị N1 gồm có: anh Minh, anh Thắng, anh Lợi, đến ngày 01/01/2014 do thu mua Lợn có nhiều khó khăn không đủ Lợn để giao cho Chị N1, theo thỏa thuận miệng nên hai bên đã trao đổi qua điện thoại chấm dứt hợp đồng mua bán lợn. Chị Tuyết có trách nhiệm trả lại cho Chị N1 số tiền đã nhận nhưng chưa giao được Lợn.Từ khi giao kết hợp đồng, khi thực hiện hợp đồng và chấm dứt hợp đồng các bên đều trao đổi miệng không có giấy tờ, biên bản gì.

Ngày 25/01/2014, Chị N1 có đến nhà gặp chị Tuyết và yêu cầu chị Tuyết viết giấy và có ký vào giấy nhận nợ với nội dung *"Chị Tuyết nợ Chị N1 số tiền 1.123.000.000đ. Hẹn tháng đầu tiên chị Tuyết trả cho Chị N1 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), từ tháng thứ hai trở đi chị Tuyết trả cho Chị N1 số tiền 50.000.000đ cho đến khi hết nợ*", tại thời điểm đó hai bên chưa đối chiếu sổ sách mà chỉ nghe Chị N1 thông báo chị Tuyết còn nợ số tiền như vậy. Do làm ăn với nhau cho nên chị Tuyết tin tưởng tạm ký nhận nợ còn trên thực tế. Chị Tuyết tự cộng sổ và tự xác định đến ngày 01/01/2014, chị Tuyết chỉ còn nợ Chị N1 số tiền 441.499.000đ. Ngày 06/01/2014 chị Tuyết đã trả cho Chị N1 bằng hình thức

chuyển khoản tiền qua tài khoản số tiền 400.000.000đ. Ngày 06/06/2014 chị Tuyết đã chuyển trả Chị N1 số tiền 50.000.000đ. Ngày 23/9/2014 tôi đã chuyển trả Chị N1 số tiền 50.000.000đ. Tính đến ngày Chị N1 khởi kiện chị thì chị đã không còn nợ Chị N1 nữa. Chị đã chuyển thừa cho Chị N1 số tiền 58.501.000đ nhưng chị không yêu cầu Chị N1 phải chuyển lại cho chị số tiền này với lý do quá trình mua bán lợn từ nơi mua đến nơi bán có sự hao hụt và thất thoát. Chị không chấp nhận yêu cầu của Chị N1 và anh Hóa đòi chị phải trả số tiền 1.123.000.000đ. Khi ký nhận giữa chị và Chị N1 hai bên chưa đối chiếu sổ sách mà chỉ là tạm ký nhận nợ chờ đối chiếu sổ sách để xác định chính xác.

Sau khi ký nhận nợ như vậy, chị Tuyết đã nhiều lần yêu cầu Chị N1 đối chiếu sổ sách nhưng Chị N1 không đối chiếu. Dựa trên cơ sở đó Chị N1 đã khởi kiện chị ra tòa. Chị N1 không chứng minh được cụ thể số tiền đã chuyển cho chị Tuyết mà chỉ nói chung chung, không có số tài khoản, không biết chuyển vào tài khoản nào. Đồng thời, không chứng minh được cụ thể số lợn đã nhận là bao nhiêu để làm căn cứ xác định đối chiếu công nợ của hai bên để xác định thừa thiếu. Còn bản thân chị khi đối chiếu công nợ giữa người mua và người bán nếu thiếu thì chị trả thêm còn nếu thừa thì Chị N1 phải trả lại cho chị. Gia đình chị là Hộ kinh doanh buôn bán lợn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20F8007538 ngày 07/10/2013 mang tên chồng chị là Hoàng Văn Lợi với ngành nghề kinh doanh là buôn bán lợn mà chỉ dựa vào tờ giấy nhận nợ của chị mà Chị N1 khởi kiện chị là không đúng sự thật bởi lẽ: Chị không vay tiền của Chị N1 và anh Hóa mà chỉ có số nợ trên là do làm ăn buôn bán lợn như chị đã trình bày ở trên.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

- *Anh Vi Văn Hóa trình bày*: Anh là chồng chị Hoàng Thị N1, anh đã được nghe toàn bộ lời khai của Chị N1 ngày 24/9/2018 tại Tòa án, Chị N1 khai như vậy là đúng. Anh không trực tiếp giao dịch mua bán lợn với chị Tuyết và không trực tiếp chuyển tiền cho chị Tuyết, việc này là do chị Tuyết và Chị N1 vợ anh tự thỏa thuận và mua bán với nhau, tôi có được biết sự việc khi Chị N1 kể lại. Ngày 25/01/2014 anh có lái xe ô tô đưa Chị N1 xuống nhà chị Tuyết ở thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; tại đây Chị N1 và chị Tuyết đã thống nhất chốt sổ và chị Tuyết đã tự tay viết giấy nhận nợ tại bàn uống nước trong nhà chị Tuyết, khi đó có anh, Chị N1, chị Tuyết và anh Thắng (là anh trai chồng chị Tuyết) cùng có mặt chứng kiến. Sau khi chị Tuyết viết giấy nhận nợ xong thì cả anh, chị Tuyết, anh Thắng và Chị N1 cùng ký vào giấy nhận nợ này. Không ai ép buộc chị Tuyết viết giấy nhận nợ này.

- *Anh Hoàng Văn Lợi trình bày*: Anh là chồng chị Tuyết, việc buôn bán Lợn giữa Chị N1 và chị Tuyết cụ thể như thế nào anh không biết, anh chỉ có vài lần được chị Tuyết yêu cầu anh chở Lợn lên Lạng Sơn giao cho Chị N1, còn việc thu

tiền, trả tiền như thế nào do chị Tuyết và Chị N1 trực tiếp điện thoại giao dịch với nhau, việc buôn bán hầu hết thua lỗ, chị Tuyết không đưa cho anh và gia đình đồng nào. Khi anh bị bắt và thả về thì anh có được nghe chị Tuyết kể là chị Tuyết có nhận nợ với Chị N1 số tiền 1.123.000.000đ, số tiền này không liên quan gì đến anh.

Tại phiên tòa: Chị N1, anh Hóa, Ông H1 đều có mặt; Chị N1, anh Hóa, Ông H1 thỏa thuận không thực hiện việc ủy quyền theo Giấy ủy quyền được công chứng ngày 14/11/2018 nữa, mà Chị N1, anh Hóa đã có mặt và tự trình bày được quan điểm của mình; Chị N1, anh Hóa giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Toà án nhân dân Lạng Giang đã quyết định:

* Áp dụng: Điều 26; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 163 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 105; 163; 166; 357 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 103 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Buộc vợ chồng chị Đặng Thị Kim T1, anh Hoàng Văn Lợi có trách nhiệm liên đới thanh toán trả vợ chồng chị Hoàng Thị N1, anh Vi Văn Hóa 1.023.000.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 06/12/2018, chị Đặng Thị Kim T1 là bị đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tòa án tuyên buộc vợ chồng chị phải trả cho chị Tuyết, anh Hóa số tiền 1.123.000.000đồng là không có căn cứ, vì thực tế chị đã trả hết cho Tuyết và không nợ chị Tuyết số tiền như giấy chốt nợ ngày 25/01/2014, ngày đó chị ký vào giấy nợ như vậy là bị vợ chồng Chị N1 ép buộc. Anh Lợi chồng chị không có liên quan gì đến việc sổ sách giấy tờ và khoản nợ.

Ngày 13/12/2018 chị Hoàng Thị N1 là nguyên đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án tính lãi suất của khoản tiền trên theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/12/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS. Nội dung kháng nghị: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm phần giải quyết yêu cầu đòi tiền lãi của Chị N1, phần buộc anh Lợi có nghĩa vụ trả nợ cùng chị Tuyết và phần giải quyết án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 26/12/2018 nguyên đơn là chị Hoàng Thị N1 có đơn xin rút kháng cáo với lý do chị nhận thấy bản án sơ thẩm đã xử đúng quy định của pháp luật.

Ngày 18/3/2019 bị đơn là chị Đặng Thị Kim T1 có đơn đề nghị rút kháng cáo với nội dung chị nhận thấy bản án sơ thẩm đã xử đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên Toà phúc thẩm, chị Hoàng Thị N1 là nguyên đơn, anh Hóa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt đề nghị rút yêu cầu về lãi suất.

Bị đơn là chị Đặng Thị Kim T1, anh Hoàng Văn Lợi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt.

Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định kháng nghị. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm giải quyết không buộc anh Lợi có nghĩa vụ trả nợ cùng chị Tuyết và không buộc anh Lợi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì Chị N1 không yêu cầu. Chị N1 đã rút kháng cáo về phần lãi suất, chấp nhận bản án sơ thẩm. Do vậy, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị về giải quyết lãi suất của chị Tuyết và án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự xử: Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, sửa bản án sơ thẩm: Không buộc anh Hoàng Văn Lợi có nghĩa vụ trả nợ cùng chị Tuyết và không buộc anh Lợi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của Chị N1 về lãi suất, sau đó Chị N1 đã có đơn xin rút kháng cáo. Nên cần đình chỉ kháng cáo của Chị N1 về yêu cầu tính lãi suất.

[2.2]. Xét kháng cáo của chị Tuyết đối với toàn bộ bản án, sau đó chị Tuyết đã có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Nên cần đình chỉ kháng cáo của chị Tuyết về yêu cầu tính lãi suất.

[2.3]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định quan hệ tranh chấp là kiện đòi tài sản, nên không phát sinh lãi suất trên khối tài sản này và không chấp nhận yêu cầu đòi lãi suất của Chị N1 đối với chị Tuyết là không đúng quy định của khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005, không đảm bảo quyền lợi của Chị N1. Do Chị N1 đã rút kháng cáo đối với yêu cầu về lãi suất, Viện kiểm sát rút kháng nghị về phần lãi suất và án phí, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát về quyết định của bản án sơ thẩm buộc anh Lợi chồng chị Tuyết phải có nghĩa vụ trả nợ cùng chị Tuyết. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án Chị N1 là nguyên đơn, anh Hóa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu anh Lợi chồng chị Tuyết có nghĩa vụ trả nợ cùng chị Tuyết. Tòa án cấp sơ thẩm không hòa giải và thu thập chứng cứ về nội dung này mà quyết định buộc anh Lợi phải liên đới thanh toán trả cho vợ chồng Chị N1, anh Hóa số tiền 1.023.000.000đồng là giải quyết ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện của Chị N1 và vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của anh Lợi. Mặt khác, ngày 25/01/2014 khi chị Tuyết viết giấy nợ anh Lợi đang bị bắt, không biết việc ký nhận nợ và xác định không liên quan, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu chứng cứ mà đã nhận định buộc anh Lợi phải có trách nhiệm trả nợ cùng chị Tuyết là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lợi, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang là có căn cứ cần chấp sửa bản án sơ thẩm về nội dung buộc anh Lợi có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Chị N1, anh Hóa cùng chị Tuyết.

[2.5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang và một phần kháng cáo của Tuyết. Sửa bản án sơ thẩm. Buộc chị Tuyết phải có nghĩa vụ trả cho Chị N1, anh Hóa số tiền 1.023.000.000đồng;

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sửa bản án sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 26; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 163 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 105; 163; 166; 357 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Buộc chị Đặng Thị Kim T1 có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng chị Hoàng Thị N1, anh Vi Văn Hóa số tiền 1.023.000.000đồng (Một tỷ không trăm hai ba triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim Tuyết về việc không đồng ý với bản án sơ thẩm.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị Hoàng Thị N1 về yêu cầu lãi suất.

4. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

5. Về án phí:

- Buộc chị Đặng Thị Kim T1 phải chịu 42.690.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả chị Hoàng Thị N1 số tiền 32.355.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006501, ngày 23/ 5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

- Án phí phúc thẩm: Chị Đặng Thị Kim T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chị Tuyết số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0006826 ngày 06/12/2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

- Chị Hoàng Thị N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả Chị N1 số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0006848 ngày 13/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Lạng Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạch Đăng Thi Phạm Thị Minh Hiền **Trần Thị Hà**